

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **283/2020/HNGĐ-ST**
Trong các ngày: 08 và, 19-6-2020
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thịnh Quang Thắng.**
Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Dương Xuân Đỉnh**
2/ Bà **Hoàng Thị Hòa**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Yến** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh T1 tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hồng Chiêm** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 19/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2020/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2020. Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01 ngày 08/6/2020. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị Thanh T - Sinh năm 1983; Cư trú tại: Thôn S, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Có mặt*

2. Bị đơn: *Anh Nguyễn Đức T1 - Sinh năm 1975; Cư trú tại: Thôn S, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa ngày 08/6/2020; Vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/6/2020.*

3. Người tham gia tố tụng khác:

3.1. *Cháu Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 02/6/2004 (con chị T, anh T1); Có mặt*

3.2. *Cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/2/2006 (con chị T, anh T1); Có mặt*
Đều cư trú tại: Thôn S, xã V, huyện Đ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2020, các lời khai bổ sung, chị Nguyễn Thị Thanh T - nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân : Chị và anh Nguyễn Đức T1 kết hôn ngày 26/9/2003, có đăng ký tại UBND xã V, huyện Đ, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T về chung sống với gia đình anh T1 tại Xã V, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn nhưng đặc biệt căng thẳng là từ đầu năm 2014 đến nay. Nguyên nhân chính là do năm 2014 anh T1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm 06 tháng tù. Sau đó anh T1 đi cải tạo tại Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. Kể từ khi anh T1 đi cải tạo, chị và gia đình chồng có mâu thuẫn nên chị cũng chuyển ra ngoài thuê trọ ở từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, căng thẳng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 02/6/2004 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/2/2006. Hiện nay các con vẫn chung sống tại nhà anh T1 và cùng mẹ anh T1 tại Xã V, huyện Đ, Hà Nội từ khi anh T1 đi chấp hành án cho đến nay. Ly hôn, chị xác định do chị hiện không có thu nhập, phải thuê trọ ở nên chị có nguyện vọng để anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung công sức đóng góp, nhà và đất: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Anh Nguyễn Đức T1 là bị đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn ngày 26/9/2003, có đăng ký tại UBND xã V, huyện Đ, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T về chung sống với gia đình anh T1 tại Xã V, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 anh phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm 06 tháng tù. Sau đó anh đi cải tạo tại Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. Kể từ khi anh đi cải tạo, chị T không quan tâm hay có trách nhiệm gì đến anh. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý. Ngày 02/6/2020, anh T1 đến Tòa án trình bày: Anh giữ nguyên ý kiến đã trình bày với Tòa án. Anh vừa đi chấp hành án xong nên anh đến Tòa án để liên hệ và đồng thời sẽ gặp chị T trao đổi giải quyết việc gia đình. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T, anh đã có ý kiến với Tòa án. Do vậy anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 02/6/2004 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/2/2006. Hiện nay các con anh vẫn chung sống với cùng anh và mẹ anh T1 tại Xã V, huyện Đ, Hà Nội từ khi anh đi chấp hành án cho đến nay. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp, nhà và đất: Anh xác định không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

+ Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T1; Về con chung: vợ chồng có Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 02/6/2004 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/2/2006. Ly hôn, chị có nguyện vọng để anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2020. Đồng thời, chị trình bày bổ sung về việc ngày 30/12/2018, chị có sinh một cháu gái đặt tên là Nguyễn Dáng T3 và xuất trình Giấy chứng sinh số 0038578, quyển số 0386 do Bệnh viện phụ sản Hà Nội cấp ngày 30/12/2018. Chị xác định đây là con riêng của chị. Chị đề nghị Tòa án giám định và xác định cháu T3 không phải là con chung của chị với anh T1 mà là con riêng của chị; Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh T1 nhất trí ly hôn chị T; Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày. Hiện nay các con anh vẫn chung sống với anh T1 tại Xã V, huyện Đ, Hà Nội. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị T với anh là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2020. Đối với cháu Nguyễn Dáng T3 mà chị T sinh ngày 30/12/2018 là con riêng của chị T nên chị T phải có trách nhiệm; Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh T1 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy tại phiên tòa chị T và anh T1 thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 02/6/2004 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/2/2006. Ly hôn, anh T1 có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, chị T nhất trí để anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét, thỏa thuận của anh chị là hợp pháp và phù hợp với nguyện vọng các con. Do đó, đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các bên là giao cả hai con chung cho anh T1 nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên là chị T cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là 1.000.000đ/tháng. Đối với cháu Nguyễn Dáng T3 mà chị T sinh ngày 30/12/2018 (theo Giấy chứng sinh số 0038578, quyển số 0386 do Bệnh viện phụ sản Hà Nội cấp ngày 30/12/2018). Theo kết luận giám định số 566IG/20/DNA ngày 11/6/2020 của

Công ty TNHH đầu tư và công nghệ GenPLUS xác định cháu T3 và anh T1 không có quan hệ bố – con. Do đó, xác định cháu Nguyễn Dáng T3 là con riêng của chị Nguyễn Thị Thanh T. Chị T phải có nghĩa vụ chăm sóc con riêng.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu cả

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật:** Chị T và anh Nguyễn Đức T1 kết hôn ngày 26/9/2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Võng La, huyện Đông Anh, Hà Nội. Chị T xin ly hôn anh Nguyễn Đức T1. Anh T1 hiện đang cư trú tại thôn S, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống: Theo chị T trình bày thì vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn. Đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 phạm tội về ma túy và phải đi chấp hành án một thời gian dài. Anh T1 xác định vợ chồng đã sống ly thân từ khi anh đi chấp hành án và chị T không quan tâm hay có trách nhiệm gì với anh. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý. Xét thấy: Mâu thuẫn của chị T và anh T1 là có thật. Nay anh chị Thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Vì vậy ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1 là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh T1 xác định có 02 con chung là Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 02/6/2004 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/2/2006. Hiện các con của anh chị đang ăn ở, sinh sống, học tập ổn định với anh T1 và mẹ anh T1 tại thôn S, xã V, huyện Đ. Ly hôn, anh chị đều thống nhất thỏa thuận để anh T1 nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại phiên tòa cháu Hoàng A và cháu H đều trình bày là có nguyện vọng ở với anh T1 nếu anh T1 và chị T ly hôn. Xét thỏa thuận của chị T và anh T1 là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con và để đảm bảo sự ổn định cho các con. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận của chị T, anh T1 là giao cả hai con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là chị T cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là 1.000.00 đồng/tháng, kể từ tháng 6/2020

cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.4] Xét yêu cầu của các đương sự xác định cháu Nguyễn Dáng T3 (theo Giấy chứng sinh số 0038578, quyền số 0386 do Bệnh viện phụ sản Hà Nội cấp ngày 30/12/2018) là con riêng của chị T: Tại phiên tòa chị T trình bày là năm 2018, chị có sinh 01 cháu gái dự định đặt tên là Nguyễn Dáng T3. Chị yêu cầu giám định và xác định cháu T3 là con riêng của chị T. Anh T1 xác định cháu T3 là con riêng của chị T. Ngày 09/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã trưng cầu giám định tại Công ty TNHH đầu tư và công nghệ GenPLUS về việc xác định cháu T3 và anh T1 có quan hệ huyết thống cha-con hay không? Tại bản kết luận giám định số 566IG/20/DNA ngày 11/6/2020 của Công ty TNHH đầu tư và công nghệ GenPLUS xác định cháu T3 và anh T1 không có quan hệ bố – con. Do đó, xác định cháu Nguyễn Dáng T3 là con riêng của chị Nguyễn Thị Thanh T. Chị T phải có nghĩa vụ chăm sóc con riêng.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 55, 59, 81, 82, 83. 88, 89 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 259, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Đức T1. Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Đức T1.

2. Về con chung: Chị T, anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 02/6/2004 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/2/2006. Giao cả hai con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Xác định cháu Nguyễn Dáng T3, sinh ngày 30/12/2018 (theo Giấy chứng sinh số 0038578, quyền số 0386 do Bệnh viện phụ sản Hà Nội cấp ngày 30/12/2018) là con riêng của chị Nguyễn Thị Thanh T. Chị T phải có nghĩa vụ chăm sóc con riêng.

4. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chi u 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2018/0015475 ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T phải nộp tiếp 300.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

6. Án xử công khai sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Đông Anh
- THA Đông Anh.
- TAND thành phố Hà Nội
- UBND xã V
- Lưu hồ sơ.

Thịnh Quang Thắng